SỞ Y TẾ TỈNH NINH BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HẢI HẬU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2791/QĐ-BVHH

Hải Hậu, ngày 23 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm hóa chất phục vụ công tác chuyên môn của Bệnh viện đa khoa Hải Hậu năm 2026

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA HẢI HẬU

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, luật đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý thiết bị y tế đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Bệnh viện đa khoa Hải Hậu;

Căn cứ nguồn thu hoạt động sự nghiệp của Bệnh viện;

Căn cứ Dự trù của các khoa lâm sàng - Bệnh viện đa khoa Hải Hậu;

Căn cứ Quyết định số 2780/QĐ-BVHH ngày 22/10/2026 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Hải Hậu về việc phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí mua sắm: Mua sắm hóa chất phục vụ công tác chuyên môn của Bệnh viện đa khoa Hải Hậu năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2790/QĐ-BVHH ngày 23/10/2026 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Hải Hậu về việc phê duyệt dự toán mua sắm: Mua sắm hóa chất phục vụ công tác chuyên môn của Bệnh viện đa khoa Hải Hậu năm 2026;

Theo đề nghị của Khoa Dược tại Tờ trình số 183/TTr-KD ngày 23/10/2026 về việc trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm hóa chất phục vụ công tác chuyên môn của Bệnh viện đa khoa Hải Hậu năm 2026;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm hóa chất phục vụ công tác chuyên môn của Bệnh viện đa khoa Hải Hậu năm 2026, với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. - Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

- Ông (bà) Trưởng Khoa Dược, Phòng Tài chính - kế toán chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Lưu: VT, HSMS.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH NAM ĐỊNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HẢI HẬU

Hoàng Văn Chiến

PHỤ LỤC

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Dự toán mua sắm: Mua sắm hóa chất phục vụ công tác chuyên môn của Bệnh viện đa khoa Hải Hậu năm 2026

(Kèm theo Quyết định số 2791/QĐ-BVHH ngày 23 tháng 10 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa Hải Hậu)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tuỳ chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Bệnh viện đa khoa Hải Hậu	Mua sắm hóa chất phục vụ công tác chuyên môn của Bệnh viện đa khoa Hải Hậu năm 2026	Mua sắm hóa chất phục vụ công tác chuyên môn của Bệnh viện đa khoa Hải Hậu năm 2026	1.516.158.472	Nguồn thu hoạt động sự nghiệp của Bệnh viện	Chào giá trực tuyến rút gọn		60 ngày	Tháng 10 năm 2026	Theo đơn giá cố định	4 tháng	Không áp dụng
Tổng giá gói thầu: 1.516.158.472 đồng (Bằng chữ: Một tỷ năm trăm mười sáu triệu một trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm bảy mươi hai đồng.)												

DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo Quyết định số 2791/QĐ-BVHH ngày 23 tháng 10 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa Hải Hậu)

TT	Danh mục hàng hoá	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá có VAT (VNĐ)	Thành tiền có VAT (VNĐ)
1	Hóa chất pha loãng dùng cho máy huyết học	ZPPCT661 628	Cellpack DCL	Sysmex	Singapore	Công dụng: sử dụng để đo số lượng, kích cỡ của hồng cầu và tiểu cầu, kết hợp với chất ly giải để xác định, phân tích nồng độ Hemoglobin. - Thành phần: Sodium chloride 0.7%; Tris buffer 0.2%; EDTA-2K 0.02% - Bảo quản: 2-35 °C. Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày kể khi mở nắp.	ml	460.000	160	73.600.000
2	Hóa chất xác định nồng độ huyết sắc tố trong mẫu máu	P90411317	Sulfolyser	Sysmex	Singapore	Công dụng: Hóa chất xác định nồng độ hemoglobin trong máu. - Thành phần: Sodium Lauryl Sulfate 1.7g/L. - Lưu trữ ở 1-30°C. Sau mở nắp ổn định trong 60 ngày. - Khi phân tích mẫu bệnh nhân để đánh giá độ lặp lại sau 10 lần liên tục ở chế độ máu toàn phần, độ tái lập của HGB phải đạt CV cho phép là thấp hơn hoặc bằng 1.5%.	ml	49.500	3.940	195.030.000

TT	Danh mục hàng hoá	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá có VAT (VNĐ)	Thành tiền có VAT (VNĐ)
3	Hóa chất ly giải dùng cho máy phân tích huyết học	ZPPBL121 531	Lysercell WNR	Sysmex	Singapore	Công dụng: sử dụng để đếm số lượng bạch cầu, số lượng bạch cầu basophils, số lượng hồng cầu nhân - Thành phần: Organic quaternary ammonium salts 0.20%; Nonionic surfactant 0.10%. - Bảo quản: 2 - 35 °C; Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày.	ml	20.000	769	15.380.000
4	Hóa chất nhuộm các tế bào bạch cầu, bạch cầu basophils, hồng cầu nhân	CP-066-715	Fluorocell WNR	Sysmex	Nhật Bản	Công dụng: đánh dấu các tế bào có nhân trong các mẫu máu đã được pha loãng và ly giải để xác định số lượng bạch cầu, số lượng tế bào hồng cầu có nhân và số lượng bạch cầu ái kiềm trong máu. - Thành phần: Polymethine 0.005%; Ethylene Glycol 99.9% - Bảo quản: 2 - 35 °C. Sau khi mở nắp, ổn định trong vòng 90 ngày	ml	328	56.500	18.532.000
5	Hóa chất ly giải dùng đếm các bạch cầu trung tính, lympho, mono và ưa axit	ZPPAL337 564	Lysercell WDF	Sysmex	Singapore	Công dụng: sử dụng để đếm số lượng các loại bạch cầu: neutrophils, lymphocytes, eosinophils, monocytes - Thành phần: Organic quaternary ammonium salts 0.07%; Nonionic surfactant 0.17% - Bảo quản: 2 - 35 °C. Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày.	ml	20.000	2.350	47.000.000

TT	Danh mục hàng hoá	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá có VAT (VNĐ)	Thành tiền có VAT (VNĐ)
6	Hóa chất nhuộm các tế bào bạch cầu neutrophils, lymphocytes, eosinophils, monocytes	CV-377-552	Fluorocell WDF	Sysmex	Nhật Bản	Công dụng: đánh dấu các bạch cầu trong các mẫu máu đã được pha loãng và ly giải nhằm phân loại các thành phần bạch cầu - Thành phần: Polymethine 0.002%; methanol 3.0%; Ethylene Glycol 96.9% - Bảo quản: 2 - 35 °C. Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày	ml	252	500.000	126.000.000
7	Hóa chất rửa máy huyết học	CF-579-595	Cellclean Auto	Sysmex	Nhật Bản	Công dụng: dung dịch kiềm mạnh dùng để rửa hệ thống - Thành phần: Sodium Hypochlorite (nồng độ chlorine 5.0%) - Bảo quản: 1 - 30°C.Tránh tiếp xúc ánh sáng mặt trời trực tiếp.	ml	80	52.500	4.200.000
8	Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học mức 1	720017821	XN Check L1	Streck	Mỹ	Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học với bảng giá trị ≥ 42 thông số báo cáo Công dụng: vật liệu kiểm soát huyết học nhằm kiểm tra chất lượng nội bộ trên hệ thống máy xét nghiệm huyết học, sử dụng cho công thức máu toàn phần (CBC), phân loại các thành phần bạch cầu, hồng cầu lưới, hồng cầu còn nhân (NRBC) -Thành phần: bao gồm tế bào hồng cầu ở người, tế bào bạch cầu ở người, hồng cầu nhân và tiểu cầu được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản. Bảo quản: từ 2 - 8 độ C Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 7 ngày ở 2 - 8 độ C	ml	3	1.305.500	3.916.500

TT	Danh mục hàng hoá	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá có VAT (VNĐ)	Thành tiền có VAT (VNĐ)
9	Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học mức 2	720017816	XN Check L2	Streck	Mỹ	Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học với bảng giá trị ≥ 42 thông số báo cáo Công dụng: vật liệu kiểm soát huyết học nhằm kiểm tra chất lượng nội bộ trên hệ thống máy xét nghiệm huyết học, sử dụng cho công thức máu toàn phần (CBC), phân loại các thành phần bạch cầu, hồng cầu lưới, hồng cầu còn nhân (NRBC) -Thành phần: bao gồm tế bào hồng cầu ở người, tế bào bạch cầu ở người, hồng cầu nhân và tiểu cầu được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản. Bảo quản: từ 2 - 8 độ C Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 7 ngày ở 2 - 8 độ C	ml	3	1.305.500	3.916.500
10	Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học mức 3	720017819	XN Check L3	Streck	Mỹ	Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học với bảng giá trị ≥ 42 thông số báo cáo Công dụng: vật liệu kiểm soát huyết học nhằm kiểm tra chất lượng nội bộ trên hệ thống máy xét nghiệm huyết học, sử dụng cho công thức máu toàn phần (CBC), phân loại các thành phần bạch cầu, hồng cầu lưới, hồng cầu còn nhân (NRBC) -Thành phần: bao gồm tế bào hồng cầu ở người, tế bào bạch cầu ở người, hồng cầu nhân và tiểu cầu được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản. Bảo quản: từ 2 - 8 độ C Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 7 ngày ở 2 - 8 độ C	ml	3	1.305.500	3.916.500

TT	Danh mục hàng hoá	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá có VAT (VNĐ)	Thành tiền có VAT (VNĐ)
11	Cóng phản ứng dùng cho máy xét nghiệm đông máu	064-1481-0	CUVETTE SUC-400A	Sysmex	Nhật Bản	Cóng phản ứng dùng để chứa mẫu và hóa chất cho dòng máy phân tích đông máu tự động. Quy cách: Hộp gồm 3000 cái/ Hộp. Tiêu chuẩn ISO13485	Cái	6.000	4.515	27.090.000
12	Hóa chất pha loãng cho máy phân tích huyết học	T436D	Isotonac·3/ MEK-640	Nihon Kohden	Nhật Bản	Dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học tự động Model: Celltac G Mek -9100. Trạng thái vật lí: chất lỏng. Màu: không. Mùi: không. Độ pH: 7.35 đến 7.55. Tính tan: tan trong nước. Thành phần: Sodium chloride 0.44%, Sodium sulphate anhydrous 0.97% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 60 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO13485	ml	1.728.000	144	248.832.000
13	Hóa chất rửa cho máy phân tích huyết học	T438	Cleanac / MEK-520	Nihon Kohden	Nhật Bản	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học tự động Model: Celltac G Mek -9100. Trạng thái vật lí: chất lỏng. Màu: xanh lá. Mùi: nhẹ. Độ pH: 7,7 đến 8,3. Tính tan: tan trong nước. Thành phần: Polyoxyethylene tridecylether: 0.049%. Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C. Độ ổn định sau khi mở nắp: 180 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	30.000	762	22.860.000

TT	Danh mục hàng hoá	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá có VAT (VNĐ)	Thành tiền có VAT (VNĐ)
14	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học	T496	Hemolynac·5/ MEK-910	Nihon Kohden	Nhật Bản	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học tự động Model: Celltac G Mek -9100. Trạng thái vật lí: chất lỏng. Màu: không. Mùi: không. Tính tan: tan trong nước. Độ pH: 7.5 đến 9.5. Thành phần: Sodium alkyl ether sulphate.	ml	5.500	12.000	66.000.000
15	Hóa chất đệm dùng cho xét nghiệm miễn dịch	A16792	Access WASH BUFFER II	CSSX: Beckman Coulter; CSH: Beckman Coulter	CSSX: Trung Quốc, CSH: Mỹ	Dung dịch đệm dùng cho máy phân tích miễn dịch tự động Beckman Coulter Model: Access 2. Thành phần chính: Dung dịch muối đệm TRIS, chất hoạt tính bề mặt, natri acid, khối lượng phản ứng: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one và 2- methyl-4-isothiazolin-3-one (3:1). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	39.000	378	14.742.000
16	Hóa chất kích hoạt phản ứng hóa phát quang trong xét nghiệm miễn dịch	81906	Access Substrate	Beckman Coulter	Mỹ	Cơ chất phát quang. Tương thích với máy phân tích miễn dịch tự động Beckman Coulter Model: Access 2. Thành phần chính: Lumi-Phos 530 (dung dịch đệm chứa dioxetane Lumigen PPD, chất huỳnh quang và chất hoạt tính bề mặt). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	520	20.788	10.809.760

TT	Danh mục hàng hoá	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá có VAT (VNĐ)	Thành tiền có VAT (VNĐ)
17	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng βhCG toàn phần	A85264	Access Total βhCG (5th IS)	Beckman Coulter	Mỹ	Thuốc thử xét nghiệm định lượng βhCG toàn phần trong huyết thanh và huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ phức hợp kháng thể (dê) kháng IgG chuột - kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng βhCG phân tán trong muối đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azit, ProClin, protein (dê, chuột và tái tổ hợp) được pha loãng trong muối đệm citrat, kháng thể (thỏ) kháng βhCG gắn phosphatase kiềm (tái tổ hợp) được pha loãng trong muối đệm MES, protein (thỏ). Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Test	480	45.633	21.903.840
18	Chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng T3 toàn phần	33835	Access Total T3 Calibrators	Beckman Coulter	Mỹ	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng T3 toàn phần. Tương thích với máy phân tích miễn dịch tự động Beckman Coulter Model: Access 2. Thành phần chính: Huyết thanh người, natri azid, Cosmocil, Triiodothyronine ở các mức nồng độ khác nhau. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	24	175.518	4.212.432

TT	Danh mục hàng hoá	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá có VAT (VNĐ)	Thành tiền có VAT (VNĐ)
19	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH	B63284	Access TSH (3rd IS)	CSSX: Beckman Coulter; CSH: Immunotech S.A.S	CSSX: Mỹ, CSH: Pháp	Hóa chất định lượng TSH. Tương thích với máy phân tích miễn dịch tự động Beckman Coulter Model: Access 2. Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng TSH người, muối đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azide, ProClin, kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng TSH cộng hợp với phosphatase kiềm, muối đệm ACES, protein (chuột). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Test	400	26.082	10.432.800
20	Thuốc thử xét nghiệm Creatinin	80107	Creatinin Kinetic method	Biolabo S.A.S	Pháp	Thuốc thử này được dùng để xác định trong ống nghiệm định lượng Creatinin trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu. Tương thích với máy phân tích sinh hóa tự động Beckman Coulter AU 480	ml	4.160	3.500	14.560.000
21	Thuốc thử xét nghiệm Ca (Calci)	90004	CALCIUM Arsenazo III Method	Biolabo S.A.S	Pháp	Thuốc thử này được dùng để xác định trong ống nghiệm định lượng Calci trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu. Tương thích với máy phân tích sinh hóa tự động Beckman Coulter AU 480	ml	520	5.769	2.999.880

TT	Danh mục hàng hoá	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá có VAT (VNĐ)	Thành tiền có VAT (VNĐ)
22	Thuốc thử xét nghiệm GGT	81310	GAMMA GT carboxy GPNA	Biolabo S.A.S	Pháp	Thuốc thử này được dùng để xác định trong ống nghiệm định lượng Gamma GT trong huyết thanh và huyết tương người. Tương thích với máy phân tích sinh hóa tự động Beckman Coulter AU 480	ml	500	5.943	2.971.500
23	Thuốc thử xét nghiệm HbA1c	22011	HbA1c Turbidimetric Immunoassay	Biolabo S.A.S	Pháp	Thuốc thử này được dùng để xác định trong ống nghiệm định lượng HbA1c trong máu người. Tương thích với máy phân tích sinh hóa tự động Beckman Coulter AU 480	ml	3.960	53.700	212.652.000
24	Thuốc thử xét nghiệm HDL-Cholesterol	90406	HDL-CHOLESTEROL Direct Method	Biolabo S.A.S	Pháp	Thuốc thử này được dùng để xác định trong ống nghiệm định lượng HDL-cholesterol trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Tương thích với máy phân tích sinh hóa tự động Beckman Coulter AU 480	ml	2.560	39.625	101.440.000
25	Thuốc thử xét nghiệm LDL-Cholesterol	90816	LDL-CHOLESTEROL Direct Method	Biolabo S.A.S	Pháp	Thuốc thử này được dùng để xác định trong ống nghiệm định lượng LDL-Cholesterol trong huyết thanh hoặc huyết tương hoặc huyết tương người. Tương thích với máy phân tích sinh hóa tự động Beckman Coulter AU 480	ml	2.560	74.739	191.331.840

TT	Danh mục hàng hoá	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá có VAT (VNĐ)	Thành tiền có VAT (VNĐ)
26	Thuốc thử xét nghiệm GOT/AST	LP80605	AST GOT	Biolabo S.A.S	Pháp	Thuốc thử này được dùng để xác định định lượng hoạt tính của Aspartate amino transferase (AST) trong huyết thanh và huyết tương người. Tương thích với máy phân tích sinh hóa tự động Beckman Coulter AU 480	ml	3.750	7.900	29.625.000
27	Thuốc thử xét nghiệm GPT/ALT	LP80607	ALT GPT	Biolabo S.A.S	Pháp	Thuốc thử này được dùng để xác định định lượng hoạt tính của Alanine amino transferase (ALT) trong huyết thanh và huyết tương người. Tương thích với máy phân tích sinh hóa tự động Beckman Coulter AU 480	ml	3.750	7.900	29.625.000
28	Gel bôi trơn	SLG-0003	Turkuaz	Turkuaz Saglik Hizmetleri Medikal Temizilik Kimyasal Urunler San. Ve Tic. A.s.	Thổ Nhĩ Kỳ	Gel bôi trơn được sử dụng để bôi trơn nội soi dạ dày, nội soi đại tràng, nội soi trực tràng, bôi trơn âm đạo…đã được tiệt trùng. Nó không gây ra dị ứng, không gây khích ứng da. Hòa tan được trong nước, dễ dàng làm sạch, không chứa tạp chất, dầu và chất nhờn. Không độc hại và không có mùi hôi. Thành phần chính: Nước cất, Hydroxyethyl cellulose, glycerine	Gam	14.760	817	12.058.920

TT	Danh mục hàng hoá	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá có VAT (VNĐ)	Thành tiền có VAT (VNĐ)
29	Dầu parafin	Dầu parafin	Thuận Phát	Công ty TNHH Hóa chất và Trang thiết bị y tế Thuận Phát	Việt Nam	Dầu parafin là dung dịch lỏng dưới dạng dầu trơn, không mùi, không màu, trong suốt. Có thể hòa tan trong ether, chloroform, xăng và benzen nhưng không thể hòa tan trong nước và ethanol. Chai 500ml	Chai	8	65.000	520.000
Tổng cộng: 29 khoản										**1.516.158.472**

Bằng chữ: Một tỷ năm trăm mười sáu triệu một trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm bảy mươi hai đồng.